TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 22/2018/DS-ST Ngày: 07-5-2018. V/v tranh chấp hợp đồng nợ hụi.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Bích Thơ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoàng Liêm

Ông Nguyễn Thanh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Xuân – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23 tháng 4 và ngày 07 tháng 5 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2018/TLST-DS ngày 08 tháng 02 năm 2018 về tranh chấp dân sự hợp đồng nợ hụi, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2018/QĐXX-ST ngày 11 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2018/QĐST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1947

Nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*:

1. Bà Đỗ Thị Bé H, sinh năm: 1960 (có mặt);

2. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm: 1961 (vắng mặt);

Cùng nơi cư trú: Ấp N, xã A, huyện Thanh Bình, Đồng Tháp.

Nguyên đơn bà M có mặt, bị đơn bà Bé H có mặt, bị đơn ông Nguyễn Văn B vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/01/2018, biên bản lấy lời khai bà M, bà Bé H ngày 26/3/2018 và Biên bản lấy lời khai ông B ngày 21/3/2018, biên bản hòa giải ngày 26/3/2018 và ngày 10/4/2018 và trong quá trình xét xử:

**** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:***

Bà Nguyễn Thị M có tham gia chơi hụi do bà Đỗ Thị Bé H làm chủ hụi, bà Bé H có giao danh sách hụi ghi tên người tham gia là tên M, gồm các dây hụi như sau: Hụi ngày 22/02/2016(AL), hụi 2.000.000đ/tháng, có 27 người tham gia, bà tham gia 01 phần hụi, bà đã đóng 22 tháng với số tiền 44.000.000đ; Hụi ngày 16/6/2017(AL), hụi 3.000.000đ/tháng, có 30 người tham gia, bà tham gia 01 phần hụi, bà đã đóng 19 tháng với số tiền: 57.000.000đ; Hụi ngày 07/9/2017(AL), hụi 2.000.000đ/tháng, có 30 người tham gia, bà tham gia 02 phần hụi, bà đã đóng được 03 tháng với số tiền là: 12.000.000đ. Tổng cộng số tiền bà đã đóng hụi cho bà Bé H là: 113.000.000đ (*Một trăm mười ba triệu đồng*).

Ngày 24/11/2017(AL) thì bà Bé H thông báo vỡ hụi, không có khả năng trả lại số tiền hụi bà đã đóng và bà Bé H có hứa trả dần nhưng đến nay vẫn không trả lại số tiền hụi mà bà đã đóng cho bà Bé H.

Nay bà Nguyễn Thị M yêu cầu ông Nguyễn Văn B và bà Đỗ Thị Bé H cùng liên đới trả lại số tiền hụi đã đóng là 83.800.000đ (*Tám mươi ba triệu, tám trăm nghìn đồng*).

Lý do yêu cầu ông Nguyễn Văn B liên đới cùng có trách nhiệm trả lại tiền nợ hụi là do ông B có đi thu tiền hụi thay cho bà Bé H, những lần chơi hụi trước đây là do ông B đứng tên chủ hụi trong danh sách hụi, sau này thì do bà Bé H đứng tên trong danh sách hụi, khi bà bé H khui hụi tại nhà của ông B và có mặt ông B ở nhà chứng kiến.

*** Bị đơn bà Đỗ Thị Bé H trình bày**:

Bà có làm chủ hụi các dây hụi bà M trình bày như sau: Hụi ngày 22/02/2016(AL), hụi 2.000.000đ/tháng, có 22 người tham gia, bà M tham gia 01 phần, bà M đóng được 22 tháng x 1.500.000đ x 01 phần = 33.000.000đ; Hụi 15/6/2016(AL), hụi 3.000.000đ/tháng, có 30 người tham gia, bà Mến tham gia 01 phần; bà Mến đóng được 19 tháng x 2.200.000đ/tháng x 01 phần = 41.800.000đ; Hụi 07/9/2017(AL), hụi 2.000.000đ/tháng, có 30 người tham gia, bà M tham gia 02 phần, bà M đóng được 3 tháng x 1.500.000đ x 2 phần = 9.000.000đ. Tổng cộng hiện nay bà Bé H còn nợ bà M số tiền hụi là 83.800.000đ (*Tám mươi ba triệu tám trăm nghìn đồng*).

Nay bà Đỗ Thị Bé H thống nhất cá nhân trả lại số tiền hụi còn nợ của bà M là: 83.800.000đ, vì ông B không có liên quan đến việc nợ tiền hụi này.

*** Bị đơn ông Nguyễn Văn B trình bày:** Ông là chồng của bà Bé H và có biết việc bà Bé H đứng ra khui hụi, làm chủ hụi, khui hụi tại nhà của vợ chồng ông ở ấp N, xã A, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, ông chỉ thấy có người đến khui hụi, không biết việc chơi hụi này như thế nào. Theo ông được biết thì bà Bé H làm chủ hụi khoảng 6-7 năm nay. Ông không có đi thu tiền hụi thay cho bà Bé H, chỉ có một lần bà Bé H bị bệnh nhờ ông chở bà Bé H đi thu tiền hụi của ông Nguyễn Văn T, ngoài ra ông không có đi thu tiền hụi của ai hết.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị M: Việc bà Bé H trình bày các hụi viên không

đóng hụi cho bà Bé H là không có cơ sở, việc chơi hụi này nhiều năm, nên ông B phải có trách nhiệm trả nợ hụi cho bà.

Tại phiên tòa bà Đỗ Thị Bé H trình bày: Trước đây lâu quá không nhớ thời gian nào, ông B có đứng tên làm chủ hụi, thời gian sau ông B không làm chủ hụi nửa mà để lại cho bà làm chủ hụi, việc khui hụi tại nhà vợ chồng bà, ông B có biết, nhưng việc thu tiền hụi, giao hụi thì ông B không biết nên ông B không có trách nhiệm cùng bà trả lại tiền hụi cho các hụi viên. Bà lấy tiền của các hụi viên đã đóng hụi để trả tiền hụi của các hụi viên không đóng hụi cho bà, nên lâu ngày bà không còn khả năng chi trả nữa, việc bà lấy tiền hụi của các hụi viên bù vào tiền của các hụi viên không đóng hụi là do bà tự làm, không thông qua ý kiến của các hụi viên còn lại. Bà làm chủ hụi để lấy tiền hoa hồng sinh hoạt trong gia đình, như đi chợ mua cá, chi xài hàng ngày, vợ chồng bà chỉ canh tác là 7-8 công đất ruộng nên thu nhập không đủ chi phí để sinh hoạt gia đình.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn B vắng mặt lần thứ 2, đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông B không tham dự phiên họp, hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định, riêng đối với ông B không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định bộ luật tố tụng dân sự, vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không có lý do.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 27, khoản 1 Điều 30, khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân gia đình, Điều 463, khoản 1 Điều 466, 471 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 15, Điều 22 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M buộc bà Bé H, ông B có trách nhiệm liên đới trả lại số tiền hụi cho bà M số tiền là: 83.800.000đ (*Tám mươi ba triệu, tám trăm nghìn đồng*).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung:

- Về thẩm quyền giải quyết: Do tranh chấp giữa cá nhân và cá nhân, ông B, bà Bé H hiện nay đang cư trú tại ấp N, xã A, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, nguyên đơn khởi kiện bị đơn tại Tòa án nơi bị đơn cư trú, nên thuộc thẩm quyền

của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Tại phiên tòa hôm nay ông B vắng mặt lần thứ hai, Hội đồng xét xử xét thấy ông B đã được triệu tập hợp lệ đúng theo quy định, nhưng ông B vẫn vắng mặt, không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông B là phù hợp và đúng theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 và điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quan hệ pháp luật: Bà Bé H thừa nhận có tổ chức khui hụi cho các hụi viên, do bà Bé H làm chủ hụi, hưởng hoa hồng, sau đó do các hụi viên không góp tiền hụi cho bà nên bà không khui hụi nữa, nay bà thống nhất trả lại số tiền hụi đã nhận cho bà M, đây là giao dịch dân sự về nợ hụi được pháp luật công nhận, do bà Bé H không trả lại tiền hụi đã góp của bà M nên phát sinh tranh chấp nợ hụi. Tòa án thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về áp dụng pháp luật: Do giao dịch dân sự về nợ hụi xác lập vào năm 2016 (AL) đến năm 2017 phát sinh tranh chấp, nên áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với quy định Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015, Nghị định 144 của chính phủ. Bởi vì thực tế bà M có tham gia chơi hụi do bà Bé H làm chủ hụi, tổng số tiền bà M đã đóng cho bà Bé H là 83.800.000đ, bà Bé H cũng thừa nhận hiện nay còn nợ bà M số tiền 83.800.000đ, do các hụi viên hốt hụi, không giao tiền hụi cho bà, nên bà phải đóng hụi thay cho những người này, bà lấy tiền của các hụi viên khác đóng vào dẫn đến vỡ hụi.

Đối với yêu cầu của bà M buộc ông Nguyễn Văn B (chồng bà Bé H) có trách nhiệm liên đới cùng với bà Bé H trả lại số tiền nợ hụi. Hội đồng xét xử xét thấy, ông B biết việc bà Bé H làm chủ hụi do khui hụi tại nhà ông B, có ông B chứng kiến, ông B cũng giúp chở bà Bé H đi thutiền hụi và nhận tiền hụi của các hụi viên gửi cho bà Bé H, thời gian trước đây ông B cũng có làm chủ hụi. Việc bà Bé H làm chủ hụi là để kiếm thêm thu nhập phục vụ đời sống gia đình, ông B và bà Bé H là vợ chồng. Mặc dù ông B không thừa nhận biết việc khui hụi của bà Bé H, không thống nhất trả lại tiền hụi, căn cứ Điều 27, khoản 1 Điều 30, khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình thì ông B có trách nhiệm liên đới trả nợ với bà Bé H. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà M buộc ông B, bà Bé H có trách nhiệm liên đới số tiền nợ hụi là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn B và bà Đỗ Thị Bé H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận là 83.800.000đ x 5% (có giá ngạch) = 4.190.000đ.

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà M số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử do đó được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

+ Căn cứ vào Điều 27, khoản 1 Điều 30, khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 468, 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

+ Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 và điểm b khoản 1 Điều 238, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M đối với bà Đỗ Thị Bé H và ông Nguyễn Văn B.

Buộc bà Đỗ Thị Bé H và ông Nguyễn Văn B có trách nhiệm liên đới trả lại cho bà Nguyễn Thị M số tiền còn nợ 83.800.000đ (*Tám mươi ba triệu, tám trăm nghìn đồng*);

Khi bà Nguyễn Thị M có đơn yêu cầu thi hành án mà bà Bé H, ông B chưa thi hành xong số tiền nợ trên thì phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự vào từng thời điểm thi hành án, đối với số tiền chưa thi hành xong.

2/ Về án phí:

- Ông Nguyễn Văn B và bà Đỗ Thị Bé H liên đới chịu 4.190.000đ (*Bốn triệu, một trăm chín mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.825.000đ *(Hai triệu, tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng)* theo biên lai số BG/2015- 0002316 ngày 08/2/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình;
- Chi cục THA DS huyện Thanh Bình;
- Tòa án ND tỉnh Đồng Tháp;
- Cổng thông tin Điện tử Tòa án;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lý Thị Bích Thơ